TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Thế Tr, sinh năm: 1985; thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố Th, tỉnh T; tạm trú: Tổ 1, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1980; thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố Th, tỉnh T; tạm trú: Tổ 1, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B.. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Thế Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Th, tỉnh Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 20/6/2006. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Ông Tr xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng

không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Lê Thị Ch, sinh ngày 23/01/2004; Lê Thế H1, sinh ngày 13/02/2009 và Lê Thế V, sinh ngày 18/3/2013. Ông Tr buôn bán tự do, có thời gian chăm sóc các con và có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, sau khi ly hôn ông Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Lê Thế H1, sinh ngày 13/02/2009; Lê Thế V, sinh ngày 18/3/2013 và không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Ch đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Lê Thế Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Hoàng Thị H đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự nH1 bà không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nH1 vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông Tr và bà H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 20/6/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Ông Tr xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ

chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án ông Tr và bà H không ai có đơn đề nghị H giải tại cơ sở là phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Ông Tr xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Bà H đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia H giải nH1 đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông Tr và bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Tr yêu cầu được ly hôn với bà H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông Tr xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Lê Thị Ch, sinh ngày 23/01/2004; Lê Thế H1, sinh ngày 13/02/2009 và Lê Thế V, sinh ngày 18/3/2013. Hiện nay hai con Lê Thế H1 và Lê Thế V đang sống cùng ông Tr. Sau khi ly hôn, ông Tr yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Lê Thế H1 và Lê Thế V. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà H được Tòa án triệu tập nH1 đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh bà có chỗ ở ổn định, có việc làm và thu nhập và có mong muốn nuôi con. Vì vậy, ông Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Thế H1 và Lê Thế V là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với cháu Lê Thị Ch hiện nay đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Chi phí thông báo cho bà Hoàng Thị H trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 180, 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế Tr đối với bà Hoàng Thị H về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thế Tr được ly hôn với bà Hoàng Thị H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/6/2006).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Lê Thế H1, sinh ngày 13/02/2009 và Lê Thế V, sinh ngày 18/3/2013 cho ông Lê Thế Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thế Tr không yêu cầu bà Hoàng Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Tr và bà H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông Tr nuôi con thì ông có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Con chung tên Lê Thị Ch, sinh ngày 23/01/2004 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Lê Thế Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thế Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003738, ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Lê Thế Tr tự nguyện chịu chi phí thông báo cho bà Hoàng Thị H trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp pháp.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân